

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88 /2017/HSST

Ngày: 21/ 11 / 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA -TỈNH PHÚ YÊN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chìu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Khắc Hiếu – Chủ tịch Hội Nông dân thành phố Tuy Hòa.

+ Bà Lê Thị Thanh Thuận – Cán bộ hưu trí.

* *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tú Vương – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2017/HSST ngày 01/11/2017, đối bị cáo:

Nguyễn Đức T – sinh năm 1996; (Tên gọi khác: B); Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 54/23 T, phường 6, thành phố T, Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: 182 L, phường 2, thành phố T, Phú Yên; trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn K, sinh năm 1972 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1999; Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 19/6/2017, bị Công an thành phố T xử phạt hành chính 4.000.000 đồng về hành vi chống người thi hành công vụ. Nhân thân: Ngày 20/5/2013, bị Toà án nhân dân thành phố T xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 55/2013/HSST; Ngày 12/9/2013, bị Toà án nhân dân thành phố T xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 100/2013/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/4/2014. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/9/2017; Có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn C, xã A, thành phố T, Phú Yên; Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Cháu Trần T, sinh ngày 01/9/2005 (Tên gọi khác: Đ); Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hoà; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Trần T: Vợ chồng ông Trần U, sinh năm 1984, bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1979; Đồng trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hoà; Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1980; Trú tại: Tổ 28, khu phố B, phường 6, thành phố T, Phú Yên; Vắng mặt.

3. Ông Lưu Văn H, sinh năm 1958; Trú tại: 138/25/10 đường 20, phường 5, quận G, thành phố H; Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; Trú tại: 182 L, phường 2, thành phố T, Phú Yên; Có mặt.

5. Ông Lê Văn P, sinh năm 1965; Trú tại: 32/27 N, phường 6, thành phố T, Phú Yên; Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Đức T, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 27/7/2017, Nguyễn Đức T rủ Trần T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không thành, nên khoảng 04 giờ 00 ngày 31/7/2017, Nguyễn Đức T tiếp tục rủ Trần T và trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 51T9-9525 chở T đi đến nhà anh Trần Văn H tại thôn C, xã A, thành phố T, Phú Yên để lấy trộm tài sản. T đứng bên ngoài cánh giới, T vào nhà anh H lấy trộm một lồng chim bằng gỗ tre bên trong có một con chim Khứu màu đen, khi mang ra khỏi nhà thì bị anh D phát hiện, truy hô và cùng với anh H, anh D đuổi bắt. Lúc này, T vứt bỏ lồng chim tại khu vườn nhà anh H, T cùng T chạy bộ ra đường Quốc lộ 1A, khi đuổi kịp thì T rút một con dao bấm ra hăm dọa “Ngon vô đây” nên anh D gọi điện thoại báo Cảnh sát 113 và tiếp tục chạy bám theo đến cây xăng dầu số 01 thuộc thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố T thì đội cảnh sát 113 đến bắt giữ, đưa T về trụ sở Công an xã A, thành phố T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, còn T chạy thoát.

Trong thời gian chờ xử lý, khoảng 01 giờ 30 ngày 06/9/2017, T tiếp tục rủ T đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô biển số 78X1-7525 chở T đến dừng trước dãy nhà trọ của bà Nguyễn Thị A tại địa chỉ Khu phố N, phường 9, thành phố T, Phú Yên. T đứng ngoài cánh giới để T vào dãy nhà trọ trộm cắp tài sản. Khi T vừa vào trong nhà trọ thì bị Công an phường 9, thành phố T phát hiện, xử lý và tạm giữ xe mô tô biển số 78X1-7525.

Đối với Trần T có hành vi tham gia trộm cắp tài sản, nhưng tại thời điểm phạm tội T chỉ mới 11 tuổi 10 tháng 29 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Công an thành phố T không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 01/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 01 con chim Khứu màu đen, đã biết hót trị giá 2.000.000 đồng; 01 lồng chim dạng trụ, tròn, làm bằng gỗ tre, cao 83 cm, đường kính 50cm, trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 2.200.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố T đã xử lý, trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại anh Trần Văn H.

Tại bản cáo trạng số: 92/CT-VKS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai quanh co, chối tội. Nhưng sau khi Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên phân tích, giải thích pháp luật thì bị cáo T thấy rõ và khai nhận toàn bộ

hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố, xin Hội Đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại anh Trần Văn H vắng mặt, nhưng có lời khai đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bị cáo bồi thường, vì tài sản đã được nhận lại đủ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án :

1. Bà Nguyễn Thị P có mặt, ông Lê Văn P vắng mặt, nhưng có lời khai tại hồ sơ vụ án: Chiếc xe mô tô biển số 78X1- 7525 là tài sản thuộc sở hữu của ông P cho bà P mượn, khi Nguyễn Đức T (con rể bà P) sử dụng chiếc xe mô tô biển số 78 X1- 7525 làm phương tiện phạm tội, bà P hoàn toàn không biết. Do đó, xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 78 X1- 7525 để làm phương tiện đi lại làm việc hàng ngày. Bà P, ông P không có yêu cầu bồi thường gì.

2. Ông Hoàng Đức T vắng mặt, nhưng có lời khai tại hồ sơ vụ án: Chiếc xe mô tô biển số 51T9-9525 là tài sản thuộc sở hữu của ông T mua từ ông Lưu Văn H tại Thành phố H, nhưng chưa sang tên và bị mất giấy đăng ký xe đã báo với công an phường 6 xác nhận. Khi Nguyễn Đức T mượn sử dụng chiếc xe mô tô biển số 51T9-9525 làm phương tiện phạm tội, ông T hoàn toàn không biết. Do đó, xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 51T9-9525 để làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại bản Cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 30/10/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu: 01 lồng chim dạng trụ, tròn, làm bằng gỗ tre, cao 83 cm, đường kính 50cm, bên trong có 01 con chim Khướu màu đen biết hát, Hội đồng xét xử không xét.

Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao bấm màu đỏ đen bằng kim loại dài 24cm; 01 đèn pin dài 15cm màu đỏ đen, vì không còn giá trị sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 80.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức T để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T: 01 điện thoại di động hiệu Sony màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia A9, màu đen (Tất cả đều bị hư hỏng), vì không liên quan đến vụ án.

Trả lại chiếc xe mô tô biển số 51T9-9525; 01 giấy đăng ký xe mô tô hiệu Wave, biển số 51T9-9525 cho ông Hoàng Đức T chủ sở hữu.

Trả lại chiếc xe mô tô biển số 78X1-7525; 01 giấy mua bán xe, biển số 78X1-7525 cho ông Lê Văn P chủ sở hữu.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Xét lời nhận tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, với thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 04 giờ 00 ngày 31/7/2017, tại thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Đức T cùng Trần T bàn bạc, thống nhất đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài; T đã 02 lần đề xướng, xúi giục và dùng chiếc xe mô tô biển số 51T9-9525 của ông Hoàng Đức T cho Nguyễn Đức T mượn, T trực tiếp điều khiển chở Trần T đến nhà của anh Trần Văn H ở thôn C, T đứng ngoài giữ xe và canh giới; T trèo lên lấy trộm một lồng chim bằng gỗ tre bên trong có một con chim Khướu màu đen, khi mang ra khỏi nhà thì bị anh D phát hiện, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 2.200.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Đức T, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất và dùng xe mô tô để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản của anh Trần Văn H, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an của xã hội, làm cho quần chúng nhân dân bất bình, không yên tâm sản xuất. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hậu quả mà bị cáo gây ra. Khi lên mức hình phạt, có xem xét đến quá trình nhân thân, thái độ khai báo sau khi phạm tội để quyết định mức hình phạt cho phù hợp với hành vi của bị cáo.

Đối với bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhân thân xấu, đã hai lần bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt về tội trộm cắp tài sản, có 01 tiền sự về hành vi chống người thi hành công vụ. Bị cáo T không lấy đây làm bài học kinh nghiệm để cải tạo, sửa chữa những lỗi lầm mà còn chủ mưu, khởi xướng, bàn bạc, rủ rê, xúi giục và dùng phương tiện xe mô tô biển số 51T9-9525 trực tiếp điều khiển chở Trần T là người chưa thành niên đi trộm cắp tài sản, cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo và xử giảm cho bị cáo mức án, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xét.

Về Vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T về xử lý vật chứng là có cơ sở.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Đức T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 08/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xét.

Về Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố T đã trả lại cho chủ sở hữu 01 lồng chim dạng trụ, tròn, làm bằng gỗ tre, cao 83 cm, đường kính 50cm, bên trong có 01 con chim Khướu màu đen biết hót, Hội đồng xét xử không xét. Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao bấm màu đỏ đen bằng kim loại dài 24 cm; 01 đèn pin dài 15 cm màu đỏ đen, vì không còn giá trị sử dụng; Tiếp tục tạm giữ số tiền 80.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức T để đảm bảo thi hành án; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T: 01 điện thoại di động hiệu Sony màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia A9, màu đen (tất cả đều bị hư hỏng), vì không liên quan đến vụ án; Trả lại chiếc xe mô tô biển số 51T9-9525; 01 giấy đăng ký xe mô tô hiệu Wave biển số 51T9-9525 cho ông Hoàng Đức T chủ sở hữu; Trả lại chiếc xe mô tô biển số 78X1-7525; 01 giấy mua bán xe biển số 78X1-7525 cho ông Lê Văn P chủ sở hữu. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2017, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND thành phố T.
- Công an thành phố T.
- THADS thành phố T.
- Bị cáo; Các đương sự.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Chìu